

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 – 39
8. Phụ lục 01	40 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Mỹ Thới An Giang theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Cảng Mỹ Thới An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600125108 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 91 tờ 15, khóm Đông Thịnh B, p. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (076).3.831.401
- Fax : (076).3.831.129

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cảng Mỹ Thới	Quốc lộ 91, tờ 15, khóm Đông Thịnh B, p. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Cảng Bình Long	Xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Vận Tải Bộ	Quốc lộ 91, tờ 15, khóm Đông Thịnh B, p. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thu gom rác thải không độc; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Đóng tàu và cầu kiện nối; Bảo dưỡng, sửa chữa ôtô và xe có động cơ khác; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Xay xát và sản xuất bột thô; Bán buôn gạo; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển; Hoạt động của đại lý hải quan, giao nhận hàng hoá; Cho thuê văn phòng làm việc; Xây dựng công trình dân dụng; Dịch vụ cung ứng tàu biển.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Thành Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Việt Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Văn Cam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Tân Phong	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Văn Phúc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Cơ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Thành Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2011
Ông Trần Văn Cam	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Tân Phong	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Thành Hiệp – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2011).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soá xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

315-d
NHÀNG
GTY T
DÂN VĂ
A &
VICAM
VĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Bùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 8 năm 2016





Số: 119CT/2016/BCTC-KTTV

Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 7 năm 2016, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 10 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.747.808.942	53.439.111.321
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.809.323.380	17.501.397.748
1. Tiền	111		1.809.323.380	12.501.397.748
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	20.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.400.612.006	12.325.936.362
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.268.063.475	12.335.718.277
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	147.374.000	42.060.038
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.983.951.276	946.934.792
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(998.776.745)	(998.776.745)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.028.104.065	1.543.306.447
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.028.104.065	1.543.306.447
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.509.769.491	2.068.470.764
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	819.361.656	1.074.376.234
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	8.727.273
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	690.407.835	985.367.257
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.258.328.902	114.144.079.426
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.555.760.000	10.555.760.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	10.555.760.000	10.555.760.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		98.905.718.852	96.246.190.964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	96.655.465.738	93.995.937.850
- <i>Nguyên giá</i>	222		173.762.161.305	167.350.615.850
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(77.106.695.567)	(73.354.678.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- <i>Nguyên giá</i>	225		-	-
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.250.253.114	2.250.253.114
- <i>Nguyên giá</i>	228		2.250.253.114	2.250.253.114
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- <i>Nguyên giá</i>	231		-	-
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.162.782.353	3.162.782.353
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	4.320.000.000	4.320.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.157.217.647)	(1.157.217.647)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.634.067.697	4.179.346.109
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.634.067.697	4.179.346.109
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156.006.137.844	167.583.190.747

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		8.618.752.918	13.742.057.278
I. Nợ ngắn hạn	310		6.028.156.330	11.015.097.052
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.102.769.829	567.682.085
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	195.380.493	87.287.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	968.329.889	374.914.949
4. Phải trả người lao động	314	V.14	1.443.836.221	3.156.503.783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	13.274.361
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.908.714.898	5.212.835.467
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	409.125.000	818.250.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	-	784.349.033
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.590.596.588	2.726.960.226
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	340.909.088	477.272.726
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.249.687.500	2.249.687.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

315-
NHÀM
TY T
VÀ
&
CÀN
G-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

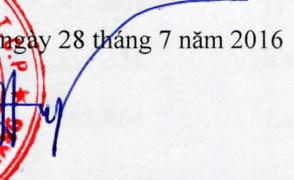
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.387.384.926	153.841.133.469
I. Vốn chủ sở hữu	410		147.387.384.926	153.841.133.469
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	138.000.000.000	138.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		138.000.000.000	138.000.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	3.828.507.990	3.828.507.990
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	5.558.876.936	12.012.625.479
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		282.625.479	12.012.625.479
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		5.276.251.457	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		156.006.137.844	167.583.190.747



An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2016


Lâm Ngọc Sương
Người lập


Nguyễn Văn Cơ
Kế toán trưởng


Bùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	40.075.995.689	50.400.099.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40.075.995.689	50.400.099.264
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.050.908.628	34.236.989.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.025.087.061	16.163.109.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	692.343.253	822.056.869
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	105.349.959	114.577.416
Trong đó: chi phí lãi vay	23		104.586.252	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	617.007.960	827.318.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.220.010.391	4.942.148.220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.775.062.004	11.101.121.879
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.850.318	19.751.995
12. Chi phí khác	32	VI.8	184.598.001	140.937.427
13. Lợi nhuận khác	40		(179.747.683)	(121.185.432)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.595.314.321	10.979.936.447
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.319.062.864	2.464.644.479
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.276.251.457</u>	<u>8.515.291.968</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>344</u>	<u>549</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>344</u>	<u>549</u>



An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2016


 Lâm Ngọc Sương
 Người lập


 Nguyễn Văn Cơ
 Kế toán trưởng


 Bùi Thành Hiệp
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE GIU'A NIEN DO

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.595.314.321	10.979.936.447
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	3.752.017.567	3.314.289.494
- Các khoản dự phòng	03		-	(65.422.584)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	763.707	(1.717.264)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(664.583.333)	(614.027.777)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	104.586.252	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.788.098.514	13.613.058.316
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.407.468.996)	(2.825.095.402)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(484.797.618)	(40.819.245)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.346.229.612)	1.101.295.945
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		800.292.990	424.253.152
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(117.860.613)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(395.000.371)	(1.511.381.697)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(900.990.000)	(1.102.293.333)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>1.936.044.294</i>	<i>9.659.017.736</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(6.411.545.455)	(593.836.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.500.000	99.444.445
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(6.334.045.455)</i>	<i>(494.391.919)</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

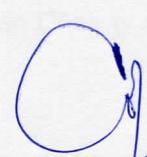
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

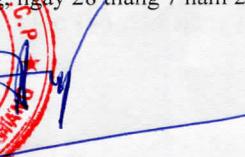
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(409.125.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.884.184.500)	(6.248.945.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.293.309.500)	(6.248.945.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.691.310.661)	2.915.680.817
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17.501.397.748	13.150.981.220
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(763.707)	1.717.264
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.809.323.380	16.068.379.301



An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2016


Lâm Ngọc Sương
Người lập


Nguyễn Văn Cơ
Kế toán trưởng


Bùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho vận tải đường thủy, vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 215 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 225 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tờ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa thường xuyên và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá miền Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Theo Công văn số 534/CT-THNVDT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Cục thuế tỉnh An Giang trả lời về việc khấu trừ lợi thế vị trí địa lý (lợi thế kinh doanh) của Công ty Cổ phần Cảng An Giang thì từ năm 2015 trở đi giá trị lợi thế vị trí địa lý được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm số tiền là 1.517.895.680 VND cho đến khi hết giá trị lợi thế vị trí địa lý này.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kê toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	430.563.400	447.956.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.378.759.980	12.053.441.548
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
- <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>	-	5.000.000.000
Cộng	<u>1.809.323.380</u>	<u>17.501.397.748</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
khác	4.320.000.000 (1.157.217.647)	3.162.782.353		4.320.000.000 (1.157.217.647)	3.162.782.353	
Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông	4.320.000.000 (1.157.217.647)	3.162.782.353		4.320.000.000 (1.157.217.647)	3.162.782.353	
Cộng	4.320.000.000 (1.157.217.647)	3.162.782.353		4.320.000.000 (1.157.217.647)	3.162.782.353	

Theo Công văn số 143/AGP ngày 16 tháng 6 năm 2011 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đồng ý góp vốn làm cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An giang với tổng số vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND.

Theo thỏa thuận về việc thành lập Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang ngày 27 tháng 6 năm 2011 tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Cảng An Giang là 9.000.000.000 VND tương đương 11,25% vốn điều lệ. Năm 2015, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đã bị hoán đổi cổ phần của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang lấy cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông theo tỷ lệ 1:0,96 theo thông báo số 1063/TB-DKMK ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Dầu khí Mêkông về việc sáp nhập.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.157.217.647	86.209.621
Hoàn nhập dự phòng	-	(65.442.584)
Số cuối kỳ	1.157.217.647	20.767.037

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>13.268.063.475</i>	<i>12.335.718.277</i>
Phan Văn Huy	-	3.159.085.761
Nguyễn Đức Diện	1.532.953.627	-
Các khách hàng khác	11.735.109.848	9.176.632.516
Cộng	13.268.063.475	12.335.718.277

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>147.374.000</i>	<i>42.060.038</i>
Công ty TNHH MTV Bách Phúc Khang	12.474.000	12.474.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Tư vấn Thanh Bình	18.000.000	18.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch An Giang	68.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	48.900.000	11.586.038
Cộng	147.374.000	42.060.038



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác	10.555.760.000	10.555.760.000
Trường Kỹ thuật nghiệp vụ - Sở Giao thông Vận tải An Giang	10.000.000.000	10.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	555.760.000	555.760.000
Cộng	10.555.760.000	10.555.760.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.983.951.276	-	946.934.792	-
Lãi dự thu – tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	953.958.332	-	366.874.999	-
Tạm ứng	357.099.086	-	233.545.210	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt chò nguồn bù đắp	116.640.967	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	556.252.891	-	346.514.583	-
Cộng	1.983.951.276	-	946.934.792	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác	-	2.556.848.514	1.558.071.769	-	2.556.848.514	1.558.071.769
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại Dịch vụ Hoa Lư	-	1.162.798.823	786.451.460	Từ 06 tháng đến 01 năm	1.162.798.823	786.451.460
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Từ 01 đến 02 năm	1.162.798.823	786.451.460	Từ 01 đến 02 năm	1.025.260.240	717.682.168
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tỷ Hung	-	143.656.776	-	-	137.538.583	68.769.292
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Trên 03 năm	143.656.776	-	Trên 03 năm	143.656.776	-
Ngô Trọng Quỳnh	-	622.571.547	505.261.566	-	622.571.547	505.261.566
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Từ 06 tháng đến 01 năm	622.571.547	505.261.566	Từ 06 tháng đến 01 năm	622.571.547	505.261.566
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Văn Minh	-	51.248.722	-	-	51.248.722	-
<i>Phải thu tiền</i>	Trên 03 năm	51.248.722	-	Trên 03 năm	51.248.722	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>bán hàng</i>				
Công ty Cổ phần Thái Đức Dương	-	74.272.859	-	74.272.859
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>74.272.859</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>74.272.859</i>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hàng hải Minh Thành	-	22.606.300	-	22.606.300
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>22.606.300</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>22.606.300</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải Châu		165.933.487	82.966.743	165.933.487
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 01 đến 02 năm</i>	<i>165.933.487</i>	<i>Từ 01 đến 02 năm</i>	<i>165.933.487</i>
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Kỹ thuật Trung Hưng	-	132.560.000	92.792.000	132.560.000
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 06 tháng đến 01 năm</i>	<i>132.560.000</i>	<i>Từ 06 tháng đến 01 năm</i>	<i>132.560.000</i>
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ An Hải	-	181.200.000	90.600.000	181.200.000
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 01 đến 02 năm</i>	<i>181.200.000</i>	<i>Từ 01 đến 02 năm</i>	<i>181.200.000</i>
Cộng		2.556.848.514	1.558.071.769	2.556.848.514

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	998.776.745	291.784.657
Số cuối kỳ	998.776.745	291.784.657

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	864.971.725	-	479.145.142	-
Công cụ, dụng cụ	1.151.772.400	-	1.047.521.365	-
Hàng hóa	11.359.940	-	16.639.940	-
Cộng	2.028.104.065	-	1.543.306.447	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	305.193.576	418.769.410
Phí bảo hiểm	85.013.390	123.952.235

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Sửa chữa thường xuyên	427.778.191	483.913.056
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.376.499	47.741.533
Cộng	819.361.656	1.074.376.234

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh	3.480.244.474	3.846.585.994
Các chi phí trả trước dài hạn khác	153.823.223	332.760.115
Cộng	3.634.067.697	4.179.346.109

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	79.871.287.196	5.648.423.012	81.830.905.642	167.350.615.850
Mua trong kỳ	51.000.000	-	6.360.545.455	6.411.545.455
Số cuối kỳ	79.922.287.196	5.648.423.012	88.191.451.097	173.762.161.305

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	38.049.087.815	3.463.434.377	31.842.155.808	73.354.678.000
Khấu hao trong kỳ	1.147.918.710	153.645.792	2.450.453.065	3.752.017.567
Số cuối kỳ	39.197.006.525	3.617.080.169	34.292.608.873	77.106.695.567

Giá trị còn lại

Số đầu năm	41.822.199.381	2.184.988.635	49.988.749.834	93.995.937.850
Số cuối kỳ	40.725.280.671	2.031.342.843	53.898.842.224	96.655.465.738

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.090.512.800 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Giang.

10. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.102.769.829	567.682.085
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Lập Khang	184.510.000	210.020.000
Võ Phước Như Thủy	-	131.208.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Hữu	-	66.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Quốc tế Đại Minh	496.300.074	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí		
Cửu Long An Giang	220.900.000	-
Các nhà cung cấp khác	201.059.755	160.454.085
Cộng	1.102.769.829	567.682.085

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>195.380.493</i>	<i>87.287.374</i>
Công ty TNHH Đầu tư Phương Trâm	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải biển Đại Nam	-	17.821.683
Công ty TNHH Tổng Công ty Hòa Bình Minh	162.000.000	-
Các khách hàng khác	33.380.493	19.465.691
Cộng	195.380.493	87.287.374

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	370.926.263	-	2.164.575.718	(2.151.030.238)	384.471.743	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	340.204.347	1.319.062.864	(395.000.371)	583.858.146	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.988.686	-	159.177.980	(166.915.591)	-	3.748.925
Thuế nhà đất	-	-	22.768.437	(22.768.437)	-	-
Tiền thuê đất	-	645.162.910	-	-	-	645.162.910
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	41.496.000	(82.992.000)	-	41.496.000
Cộng	374.914.949	985.367.257	3.710.080.999	(2.821.706.637)	968.329.889	690.407.835

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	6.595.314.321	10.979.936.447
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kê		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	333.637.427
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.595.314.321	11.313.573.874
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	6.595.314.321	11.313.573.874
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>1.319.062.864</i>	<i>2.488.986.252</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>-</i>	<i>(24.341.773)</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.319.062.864	2.464.644.479

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 42.585,2 m² theo hợp đồng thuê đất số 52/HĐ.TĐ ngày 20 tháng 6 năm 2012, thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2012 đến ngày 03 tháng 5 năm 2062, với diện tích thuê là 42.585,2 m², trong đó 3.885,4 m² * đơn giá 56.000 đồng/m²/năm, còn lại 38.699,8 m² * đơn giá 33.600 đồng/m²/năm.

Theo Công văn số 534/CT-THNVDT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Cục thuế tỉnh An Giang trả lời về việc khấu trừ lợi thế vị trí địa lý (lợi thế kinh doanh) của Công ty Cổ phần Cảng An Giang thì từ năm 2015 trở đi giá trị lợi thế vị trí địa lý được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm số tiền là 1.517.895.680 VND cho đến khi hết giá trị lợi thế vị trí địa lý này.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến tổ chức khác</i>	<i>340.909.088</i>	<i>477.272.726</i>
Doanh thu dịch vụ nhận trước	340.909.088	477.272.726
Cộng	340.909.088	477.272.726



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.908.714.898	5.212.835.467
Kinh phí công đoàn	100.525.330	-
Bảo hiểm xã hội	1.814.572	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	4.601.955.706
Phải trả cỗ tức các cỗ đồng khác	850.040.500	4.225.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	956.334.496	606.654.761
Cộng	1.908.714.898	5.212.835.467

16b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho tổ chức khác</i>	-	1.088.448.848
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	1.088.448.848
Cộng	-	1.088.448.848

17. Vay và nợ thuê tài chính

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	409.125.000	818.250.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	409.125.000	818.250.000
Cộng	409.125.000	818.250.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	818.250.000
Số tiền vay đã trả	(409.125.000)
Số cuối kỳ	409.125.000

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả tổ chức khác</i>	2.249.687.500	2.249.687.500
Vay dài hạn ngân hàng	2.249.687.500	2.249.687.500
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang</i>	2.249.687.500	2.249.687.500
Cộng	2.249.687.500	2.249.687.500

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang để bù sung vốn thanh toán mua tài sản cố định với lãi suất 8%/năm từ ngày 30/09/2015 - 30/09/2016, sau thời gian trên, lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng loại trả sau xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	-	818.250.000
Trên 01 năm đến 05 năm	2.249.687.500	2.249.687.500
Trên 05 năm	-	-
Cộng	2.249.687.500	3.067.937.500

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh An Giang như sau:

Số đầu năm	2.249.687.500
Số cuối kỳ	2.249.687.500

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	553.672.859	(571.355.000)	(17.682.141)
Quỹ phúc lợi	91.193.290	(184.035.000)	(92.841.710)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	139.482.884	(145.600.000)	(6.117.116)
Cộng	784.349.033	(900.990.000)	(116.640.967)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.8a).

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	138.000.000.000	3.142.569.174	13.571.041.617	154.713.610.791
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	8.515.291.968	8.515.291.968
Trích quỹ trong kỳ trước	-	425.764.598	(1.362.446.715)	(936.682.117)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	(13.110.000.000)	(13.110.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	138.000.000.000	3.568.333.772	7.613.886.870	149.182.220.642
Số dư đầu năm nay	138.000.000.000	3.828.507.990	12.012.625.479	153.841.133.469
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	5.276.251.457	5.276.251.457
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(11.730.000.000)	(11.730.000.000)
Số dư cuối kỳ này	138.000.000.000	3.828.507.990	5.558.876.936	147.387.384.926

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Vốn Nhà nước - Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	73.116.000.000	52,98	73.116.000.000	-
Các cổ đông khác	64.884.000.000	47,02	64.884.000.000	-
Cộng	138.000.000.000	100	138.000.000.000	-

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 11/NQĐHĐCD-AGP Đại hội cổ
đồng nhiệm kỳ 2016 – 2020 ngày 22 tháng 4 năm 2016 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong kỳ này
• Chia cổ tức cho các cổ đông	11.730.000.000	-	11.730.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	685.938.816	685.938.816	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	1.371.877.631	1.371.877.631	-
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (1%)	137.187.763	137.187.763	-

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 4.236,80 USD (số đầu năm là 4.243,40 USD).

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Vosa Cần Thơ	35.746.216	35.746.216	Công nợ phát sinh từ trước năm 1992, khách hàng từ chối thanh toán.
Nguyễn Văn Bưởi	4.681.280	4.681.280	Công nợ phát sinh từ năm 1992, không

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Văn Lang	1.677.000	1.677.000	còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Cục hàng hải Việt Nam	6.044.774	6.044.774	Công nợ phát sinh từ năm 1995, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Tàu Trần Đề	7.457.000	7.457.000	Công nợ phát sinh từ năm 1994, không thu hồi được.
Công ty Vận tải biển Tài chính	7.207.983	7.207.983	Công nợ phát sinh từ năm 2005, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Phòng kinh doanh Xây dựng Hàng hải	2.677.340	2.677.340	Công nợ phát sinh đã lâu, do bộ phận kế toán thay đổi không bàn giao.
Nguyễn Văn Liêu	3.525.388	3.525.388	Con nợ không có khả năng thanh toán nợ.
Huỳnh Văn Linh	1.000.000	1.000.000	Không tìm được địa chỉ của đối tượng nợ.
Sáu Mẫu	1.915.750	1.915.750	Nợ phát sinh đã lâu không liên hệ được địa chỉ
Trịnh Thị Hướng	13.468.262	13.468.262	Công nợ phát sinh từ năm 2000, không có khả năng thanh toán.
Tử Huân Tước	1.600.000	1.600.000	Không tìm được địa chỉ của đối tượng nợ.
Tô Xuân Thái	1.500.000	1.500.000	Công nợ phát sinh từ năm 2000, không liên hệ được địa chỉ.
Công ty Công trình Giao thông An Giang	3.192.000	3.192.000	Công nợ phát sinh từ năm 2006, đơn vị đã giải thể
Võ Thắng Lợi	2.281.600	2.281.600	Công nợ phát sinh năm 2006, không còn hồ sơ gốc.
Công ty Nam Hưng	3.422.000	3.422.000	Công nợ phát sinh năm 2003, đối tượng nợ không thanh toán.
Cộng	97.396.593	97.396.593	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	6.478.095.922	7.049.610.668
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.597.899.767	43.350.488.596
Cộng	40.075.995.689	50.400.099.264

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa đã bán
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.899.626.774	6.393.113.034
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.151.281.854	27.843.876.749
Cộng	28.050.908.628	34.236.989.783

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	664.583.333	790.694.445
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.759.920	29.645.160
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.717.264
Cộng	692.343.253	822.056.869

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
Lỗ do hoán đổi cổ phần đầu tư dài hạn
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tồn thất đầu tư
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	104.586.252	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	763.707	-
Lỗ do hoán đổi cổ phần đầu tư dài hạn	-	180.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tồn thất đầu tư	-	(65.422.584)
Cộng	105.349.959	114.577.416

5. Chi phí bán hàng

Chi phí cho nhân viên
Chi phí vật liệu, bao bì
Chi phí dụng cụ, đồ dùng
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Các chi phí khác
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	447.360.896	487.184.528
Chi phí vật liệu, bao bì	19.876.389	22.753.596
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.685.063	28.730.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.292.430	98.088.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.410.311	44.436.928
Các chi phí khác	49.382.871	146.125.237
Cộng	617.007.960	827.318.835

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên
Chi phí vật liệu quản lý
Chi phí đồ dùng văn phòng
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Thuế, phí và lệ phí

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.899.775.360	2.793.665.474
Chi phí vật liệu quản lý	103.114.187	128.575.013
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.078.130	56.876.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	187.527.834	140.990.168
Thuế, phí và lệ phí	103.200.347	23.961.169

3498
CHÍ
CÔNG
TỔ
TÀI
CÁ
RÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.877.341	441.804.474
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	366.341.520	366.341.520
Các chi phí khác	1.194.095.672	989.934.377
Cộng	5.220.010.391	4.942.148.220

7. Thu nhập khác

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Thu phí, lệ phí chuyển nhượng cổ phần	250.000	400.000
Thu bồi thường	-	2.570.000
Thu nhập khác	4.600.318	16.781.995
Cộng	4.850.318	19.751.995

8. Chi phí khác

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	925.872	106.073.641
Chi phí năm trước	169.973.000	34.863.786
Chi phí khác	13.699.129	-
Cộng	184.598.001	140.937.427

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.276.251.457	8.515.291.968
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(527.625.146)	(851.529.197)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát (*)	(5.276.251)	(85.152.920)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.743.350.060	7.578.609.851
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	344	549

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát kỳ này được tạm trích theo tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2015, do đến thời điểm phát hành báo cáo Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2016.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.494.152.462	5.655.251.147
Chi phí nhân công	14.937.335.449	17.312.709.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.752.017.567	3.314.289.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.937.204.171	5.119.034.270
Chi phí khác	1.867.590.556	2.212.059.208
Cộng	27.988.300.205	33.613.343.804

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	891.653.297	620.474.296
Phụ cấp	147.600.000	28.560.000
Tiền thưởng	26.820.000	-
Các khoản phúc lợi khác	78.000.000	189.000.000
Cộng	1.144.073.297	838.034.296

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang là thành viên góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch về mua nhiên liệu với Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang với số tiền là 0 VND (cùng kỳ năm trước là 2.490.745.455 VND).

Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ: dịch vụ bốc xếp.
- Lĩnh vực thương mại: mua, bán nhiên liệu.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế cung cấp dịch vụ với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế cung cấp dịch vụ này. Ngoài ra, nhân viên phòng Kế toán – Tài chính thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.809.323.380	-	-	-	1.809.323.380
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Phải thu khách hàng	10.711.214.961	-	-	2.556.848.514	13.268.063.475
Các khoản phải thu khác	1.510.211.223	-	-	-	1.510.211.223
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	4.320.000.000	4.320.000.000
Cộng	34.030.749.564	-	-	6.876.848.514	40.907.598.078
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.501.397.748	-	-	-	17.501.397.748
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Phải thu khách hàng	9.778.869.763	-	-	2.556.848.514	12.335.718.277
Các khoản phải thu khác	713.389.582	-	-	-	713.389.582
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	4.320.000.000	4.320.000.000
Cộng	47.993.657.093	-	-	6.876.848.514	54.870.505.607

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	1.102.769.829	-	-	1.102.769.829
Vay và nợ	818.250.000	1.840.562.500	-	2.658.812.500
Các khoản phải trả khác	1.806.374.996	-	-	1.806.374.996

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	3.727.394.825	1.840.562.500	-	5.567.957.325
Số đầu năm				
Phải trả người bán	567.682.085	-	-	567.682.085
Vay và nợ	1.037.310.653	2.508.201.653	-	3.545.512.306
Các khoản phải trả khác	5.226.109.828	-	-	5.226.109.828
Cộng	6.831.102.566	2.508.201.653	-	9.339.304.219

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 1.840.562.500 VND (số đầu năm là 2.249.687.500 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số đầu năm
	Giá gốc		Giá gốc			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.809.323.380	-	17.501.397.748	-	1.809.323.380	17.501.397.748
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu khách hàng	13.268.063.475	(998.776.745)	12.335.718.277	(998.776.745)	12.269.286.730	11.336.941.532
Các khoản phải thu khác	1.510.211.223	-	713.389.582	-	1.510.211.223	713.389.582
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.320.000.000	(1.157.217.647)	4.320.000.000	(1.157.217.647)	3.162.782.353	3.162.782.353
Cộng	40.907.598.078	(2.155.994.392)	54.870.505.607	(2.155.994.392)	38.751.603.686	52.714.511.215

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị			
Phải trả người bán	1.102.769.829	567.682.085	1.102.769.829	567.682.085
Vay và nợ	2.658.812.500	3.067.937.500	2.658.812.500	3.067.937.500
Các khoản phải trả khác	1.806.374.996	5.226.109.828	1.806.374.996	5.226.109.828
Cộng	5.567.957.325	8.861.729.413	5.567.957.325	8.861.729.413

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lâm Ngọc Sương
Người lập biểu

Nguyễn Văn Cơ
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Bùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc

315
NHÀ
TY
&
CẨM
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài
 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Các khoản loại trừ	Cộng
	6.478.095.922	33.597.899.767	-	40.075.995.689
	6.478.095.922	33.597.899.767	-	40.075.995.689
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	578.469.148	11.446.617.913	-	12.025.087.061
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.837.018.351)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				6.188.068.710
Doanh thu hoạt động tài chính				692.343.253
Chi phí tài chính				(105.349.959)
Thu nhập khác				4.850.318
Chi phí khác				(184.598.001)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.319.062.864)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.276.251.457
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		6.411.545.455		6.411.545.455
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn		4.297.295.979		4.297.295.979
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, số 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Kỳ trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Các khoản loại trừ	Cộng
	7.049.610.668	43.350.488.596	-	50.400.099.264
	<u><u>7.049.610.668</u></u>	<u><u>43.350.488.596</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>50.400.099.264</u></u>
	656.497.634	15.506.611.847	-	16.163.109.481
				(5.769.467.055)
				10.393.642.426
				822.056.869
				(114.577.416)
				19.751.995
				(140.937.427)
				(2.464.644.479)
				-
				<u><u>8.515.291.968</u></u>
	<u><u>-</u></u>	<u><u>596.966.364</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>596.966.364</u></u>
	<u><u>-</u></u>	<u><u>4.242.830.235</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>4.242.830.235</u></u>
	<u><u>-</u></u>	<u><u>20.787.037</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>20.787.037</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối kỳ

Tài sản trực tiếp của bộ phận
 Tài sản phân bổ cho bộ phận
 Các tài sản không phân bổ theo bộ phận
Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận
 Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận
 Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận
Tổng nợ phải trả

Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận
 Tài sản phân bổ cho bộ phận
 Các tài sản không phân bổ theo bộ phận
Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận
 Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận
 Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận
Tổng nợ phải trả

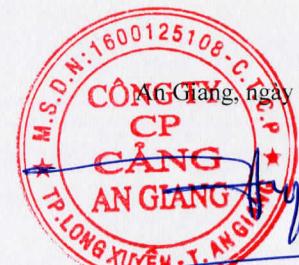
	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Các khoản loại trừ	Công
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	132.843.355.491	-	132.843.355.491
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				23.162.782.353
Tổng tài sản				156.006.137.844
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	8.618.752.918	-	8.618.752.918
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				8.618.752.918
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	144.420.408.394	-	144.420.408.394
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				23.162.782.353
Tổng tài sản				167.583.190.747
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	12.957.708.245	-	12.957.708.245
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				784.349.033
Tổng nợ phải trả				13.742.057.278



Lâm Ngọc Sương
Người lập



Nguyễn Văn Cơ
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2016



Bùi Thành Hiệp
Tổng Giám đốc